

KHẢO SÁT LƯƠNG

2022

BỞI TẬP ĐOÀN NAVIGOS

THỰC TRẠNG THU NHẬP VÀ KỶ VỌNG
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



www.navigosgroup.com | www.vietnamworks.com | www.navigosearch.com

TRANG

02-10

TRANG

11-15

TRANG

16-19

TRANG

20-23

TRANG

24-98

MỤC LỤC

1

Giới thiệu báo cáo

- Giới thiệu về Tập đoàn Navigos.....3
- Thông điệp từ CEO.....4
- Thông tin người tham gia khảo sát.....5
- Cơ sở lý luận.....8
- Nhận dữ liệu hữu ích về báo cáo lương mang khách hàng Nhật Bản.....9
- Tuyên bố giới hạn trách nhiệm.....10

2

Tổng quan về chế độ lương thưởng và phúc lợi của người lao động năm 2021

- Tổng quan về chế độ phúc lợi của người lao động.....11
- Mức độ hài lòng của người lao động về chế độ phúc lợi.....12
- Các yếu tố giữ chân người lao động với công ty hiện tại.....13
- Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công việc mới của người lao động.....14

3

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến chế độ lương thưởng và phúc lợi của người lao động năm 2021

- Thực trạng Covid-19 ảnh hưởng đến công việc của người lao động.....16
- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến thu nhập của người lao động.....17
- Ảnh hưởng của dịch Covid - 19 đến tỉ lệ đề xuất tăng lương thành công.....18

4

Kỳ vọng của người lao động trong năm 2022

- Kỳ vọng của người lao động về chính sách thăng tiến của công ty trong năm 2022.....20
- Dự định của người lao động trong vòng 3 - 6 tháng tới.....21

5

Báo cáo lương năm 2022

Dựa trên dữ liệu khảo sát lương được thực hiện trong năm 2021.

1

GIỚI THIỆU BÁO CÁO

1. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN NAVIGOS	3
2. THÔNG điệp TỪ CEO	4
3. THÔNG TIN NGƯỜI THAM GIA KHẢO SÁT	5
4. CƠ SỞ LÝ LUẬN	8
5. NHẬN DỮ LIỆU HỮU ÍCH VỀ BÁO CÁO LƯƠNG MẢNG KHÁCH HÀNG NHẬT BẢN	9
6. TUYÊN BỐ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	10

GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Giới thiệu về Tập đoàn Navigos

Navigos Group

Navigos Group là tập đoàn cung cấp dịch vụ tuyển dụng nhân sự hàng đầu Việt Nam, sứ mệnh của chúng tôi là giúp người tìm việc và các công ty đạt được ước mơ của mình thông qua các dịch vụ tuyển dụng chuyên nghiệp. Hệ sinh thái của chúng tôi bao gồm www.VietnamWorks.com - Cổng thông tin tuyển dụng trực tuyến lớn nhất và Navigos Search - Dịch vụ tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam.

VietnamWorks

Với hơn 5 triệu lượt truy cập hàng tháng, VietnamWorks là trang web việc làm hàng đầu và hoạt động lâu nhất tại Việt Nam. Mỗi ngày, chúng tôi đem đến vô số những công việc mới cho gần 5 triệu ứng viên có kinh nghiệm và luôn đi tiên phong trong việc đồng hành cung cấp các giải pháp tuyển dụng tốt nhất cho hơn 17,000 công ty, phần lớn là các tập đoàn đa quốc gia và các công ty có thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam. Cơ sở dữ liệu dồi dào về ứng viên giàu kinh nghiệm và nhà tuyển dụng uy tín của VietnamWorks là một tài sản giá trị trong thị trường tuyển dụng cạnh tranh tại Việt Nam.

Navigos Search

Navigos Search là nhà cung cấp dịch vụ tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam. Điểm mạnh lớn nhất của chúng tôi là đội ngũ chuyên gia tư vấn tuyển dụng có kinh nghiệm am hiểu chuyên sâu từng ngành hàng với trình độ chuyên môn cao, cũng như hệ thống cơ sở dữ liệu toàn diện. Với các hệ thống và quy trình tiên tiến được chia sẻ bởi en Group, chúng tôi hướng tới một vị thế mới trong thị trường tìm kiếm nhân tài tại Việt Nam.

THÔNG điệp từ CEO

Kính gửi quý khách hàng,

Chúng ta vừa trải qua năm 2021 với rất nhiều sự kiện và trải nghiệm mới trong cả cuộc sống và công việc. Trong lĩnh vực việc làm, đại dịch COVID-19 được coi là "một trong những làn sóng" đặt ra những thách thức đối với tính bền vững của các nền kinh tế.

Doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực ít nhiều đã trải qua những tác động sâu rộng và cán bộ nhân viên bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch toàn cầu này. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO - International Labour Organization), tỉ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2021 dự kiến sẽ ở mức 6.3%, tương đương 220 triệu người. Tại Việt Nam, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động trong 9 tháng năm 2021 là hơn 1,3 triệu người, tăng 126,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2.99% (số liệu của Tổng Cục Thống Kê). Năm được tình hình thực tế hiện nay trên thị trường lao động, VietnamWorks và Navigos Search đã ngay lập tức thực hiện báo cáo lương với đa dạng thông tin để hỗ trợ các doanh nghiệp và những người

tìm việc bị ảnh hưởng bởi COVID-19.

Khảo sát lương 2022 do Navigos Group cung cấp sẽ đưa ra một cái nhìn tổng quan về mức lương của các ngành nghề trong năm 2021 cũng như những kỳ vọng của người lao động về mức thưởng và phúc lợi trong năm 2022. Chúng tôi hy vọng sẽ giúp khách hàng xây dựng các chiến lược tuyển dụng và giữ chân nhân tài, điều này sẽ góp phần vào hoạt động phục hồi kinh doanh và tăng trưởng trong thời gian tới. Đồng thời, chúng tôi cũng hỗ trợ các ứng viên và người tìm việc nắm bắt xu hướng tuyển dụng để có sự chuẩn bị tốt nhất trên con đường sự nghiệp của mình.

Trân trọng,

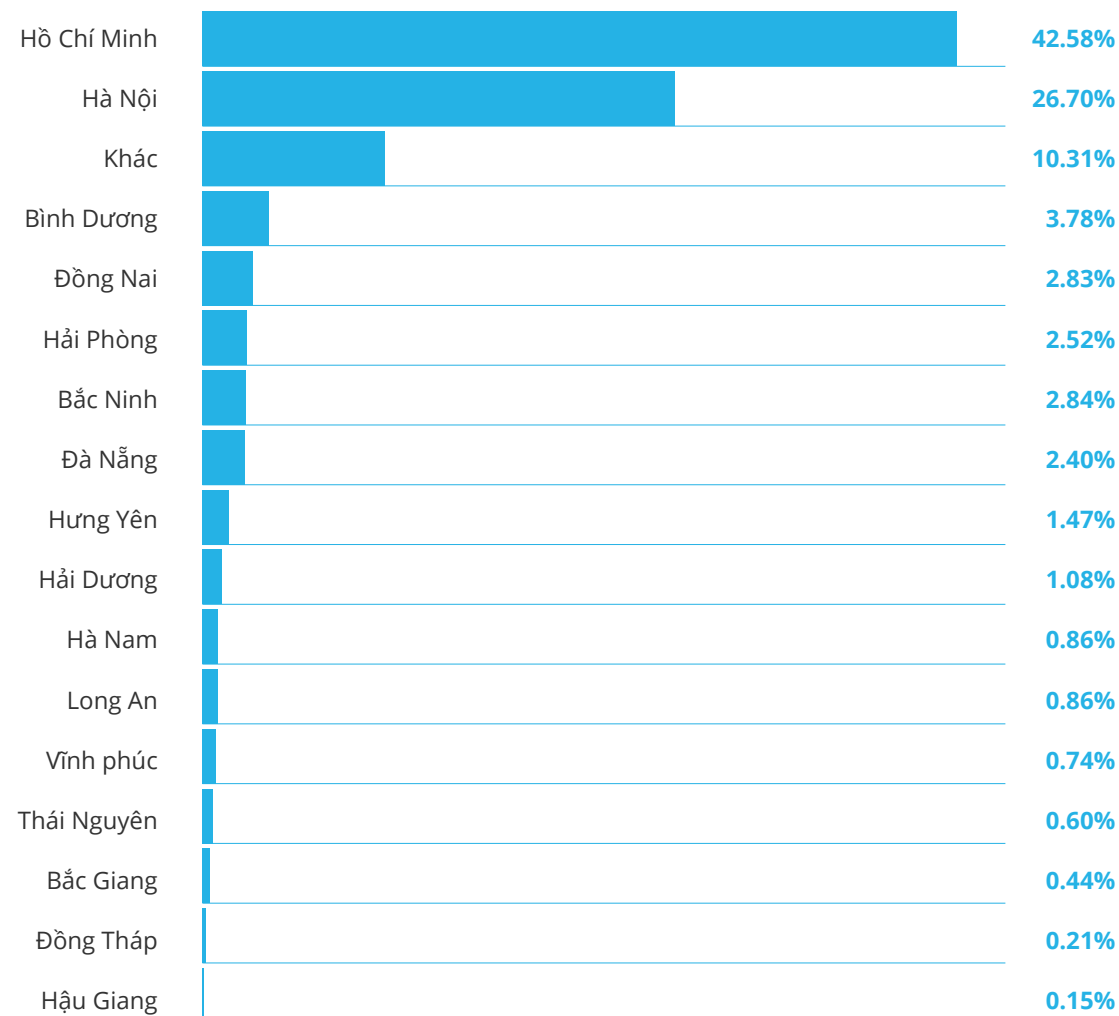
Gaku Echizenya
CEO Navigos Group



THÔNG TIN NGƯỜI THAM GIA KHẢO SÁT

? Địa điểm làm việc

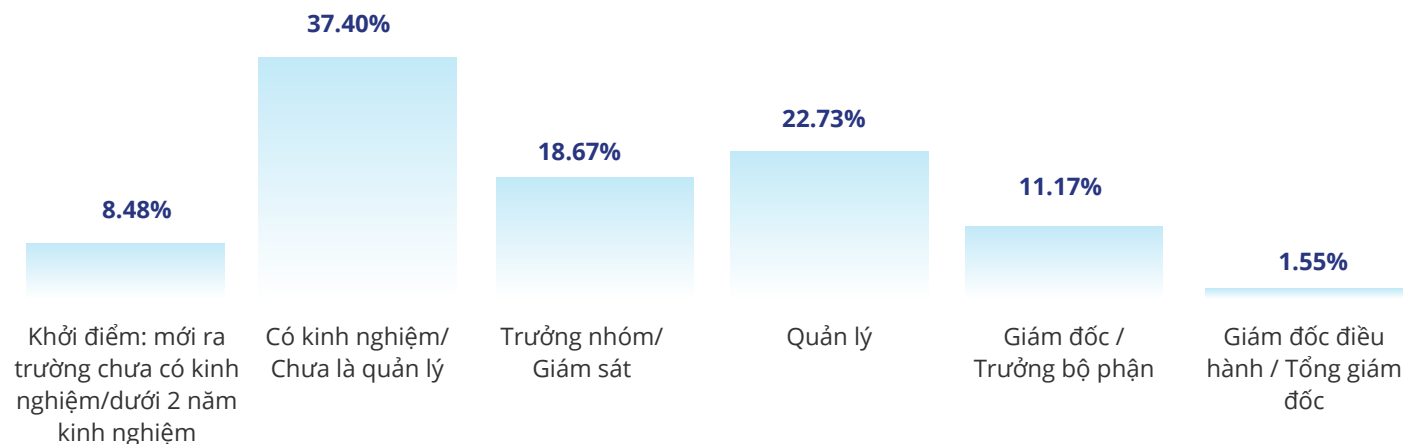
Theo số liệu, người lao động tham gia khảo sát tập trung chủ yếu ở 2 thành phố lớn, Hồ Chí Minh chiếm gần một nửa với 42.58%, theo sau là Hà Nội với tỉ lệ 26.7%. Số người thực hiện khảo sát còn lại thuộc khu vực các tỉnh khác như Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng,...



THÔNG TIN NGƯỜI THAM GIA KHẢO SÁT

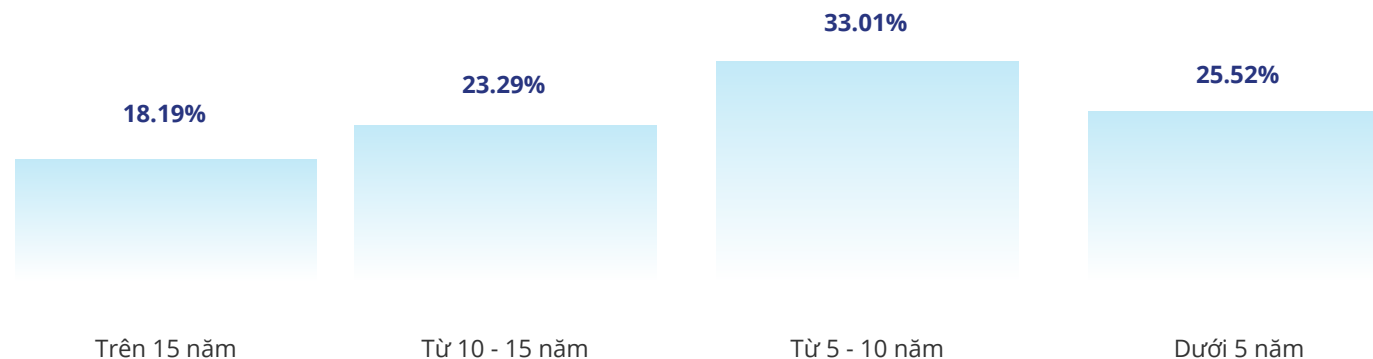
? Cấp bậc công việc hiện tại

Khi được hỏi về cấp bậc hiện tại của người tham gia khảo sát, nhóm Nhân viên có nhiều kinh nghiệm nhưng chưa lên Quản lý đang dẫn đầu với 37.4%, theo sau là nhóm Quản lý chiếm 22.73%. Trưởng nhóm/ Giám sát chiếm tỉ lệ ít hơn với 18.67%, cấp bậc Giám đốc/ Trưởng bộ phận chiếm tỉ lệ 11.17%, số người còn lại là sinh viên mới ra trường, ít kinh nghiệm chiếm 8.48%.



? Tổng số năm kinh nghiệm

Theo số liệu thu được, nhóm người lao động có kinh nghiệm làm việc từ 5 đến 10 năm đang chiếm tỉ lệ cao nhất với hơn 33%, theo sau là nhóm có kinh nghiệm làm việc dưới 5 năm chiếm 25.52%. Nhóm nhân viên có thâm niên làm việc từ 10 đến 15 năm cũng chiếm tỉ lệ khá cao với 23.29%. Còn lại 18.19% là nhóm người lao động có kinh nghiệm làm việc trên 15 năm.



THÔNG TIN NGƯỜI THAM GIA KHẢO SÁT

LĨNH VỰC LÀM VIỆC

Những người tham gia khảo sát đang làm việc chủ yếu trong 27 ngành nghề, trong đó phổ biến nhất là lĩnh vực Công nghệ thông tin + Viễn thông, chiếm tỷ trọng cao nhất với 7,5%. Tiếp theo là 02 ngành Xây dựng và Thiết bị điện tử, cùng chiếm tỷ lệ 7%. Các ngành Ngân hàng, Thực phẩm và Đồ uống và Giáo dục cũng đang chiếm tỷ trọng tương ứng lần lượt là 5,5%, 4,5% và 4,5%. Các ngành còn lại chiếm tỷ trọng thấp hơn như Vận tải / Giao nhận / Chuỗi cung ứng, Ô tô, Bán lẻ / Bán buôn, Bất động sản, ...

Công nghệ thông tin + Viễn thông	7.5%	Thương mại điện tử / Dịch vụ trực tuyến + Công nghệ tài chính	3%
Thiết bị điện tử	7%	Khách sạn và Du lịch	2.5%
Xây dựng	7%	Dịch vụ tài chính (quỹ, đầu tư, kiểm toán, thuế)	2.5%
Ngân hàng	5.5%	Nông nghiệp	2.5%
Thực phẩm và đồ uống	4.5%	Bao bì / In ấn / Nhựa	2.5%
Giáo dục	4.5%	Năng lượng / Năng lượng tái tạo	2%
Vận tải / Giao nhận / Chuỗi cung ứng	4%	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	2%
Ô tô	3.5%	Bao bì / In ấn / Nhựa	2%
Bán lẻ / Bán buôn	3.5%	Bảo hiểm nhân thọ	1.5%
Bất động sản	3.5%	Dầu khí	1.5%
Dịch vụ tư vấn kinh doanh: Pháp lý, quản lý, cấp phép, truyền thông, quảng cáo	3%	Các ngành Khác	20%
Hóa chất / Vật liệu xây dựng	3%		
Ngành hàng tiêu dùng nhanh	3%		
Dược phẩm	3%		

CƠ SỞ LÝ LUẬN

TẠO ƯU THẾ CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC TUYỂN DỤNG VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

Nắm rõ mức lương theo thời gian thực trên thị trường, doanh nghiệp có thể đưa ra các chiến lược tuyển dụng hiệu quả.

HỖ TRỢ ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG DỰA TRÊN THỊ TRƯỜNG THỰC TẾ

Báo cáo Lương giúp các công ty điều chỉnh mức lương và cung cấp gói lợi ích hấp dẫn đối với cả nhân viên và các ứng viên tiềm năng.

XÂY DỰNG CƠ CẤU TIỀN LƯƠNG

Đối với những doanh nghiệp không có cơ cấu tiền lương thì Báo cáo Lương có thể giúp họ xây dựng chúng một cách dễ dàng và có hệ thống hơn.

NHẬN BIẾT MỨC LƯƠNG CỦA CÁC CÔNG TY CÙNG NGÀNH

Nhận biết được các công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực sẽ giúp các doanh nghiệp chuẩn bị kế hoạch nhân sự tốt hơn trong tương lai.

NHẬN DỮ LIỆU HỮU ÍCH CHO QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC

Báo cáo Lương của Navigos Group sẽ cung cấp thêm các thông tin bao gồm các yếu tố dẫn đến lòng trung thành của nhân viên đối với doanh nghiệp, quyết định rời khỏi doanh nghiệp và sự hài lòng trong công việc của nhân viên. Có rất nhiều thông tin có giá trị khác cho phòng nhân sự để lập kế hoạch chiến lược phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

NHẬN DỮ LIỆU HỮU ÍCH VỀ BÁO CÁO LƯƠNG MẢNG KHÁCH HÀNG NHẬT BẢN

Trong báo cáo lương 2022, Navigos Group đã triển khai thêm phần thông tin lương mảng khách hàng Nhật Bản để cung cấp nhiều dữ liệu hữu ích cho các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư và mở rộng kinh doanh vào Việt Nam.

Hiện tại đã có 140 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam, trong đó Nhật Bản là nhà đầu tư lớn với tổng vốn đăng ký là 63,96 tỷ USD. Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp Nhật Bản dự định sẽ mở rộng kinh doanh trong vòng 1-2 năm tới tại Việt Nam vẫn đạt 55,3%, đứng đầu khu vực ASEAN (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư).



TUYÊN BỐ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

Mức lương trong cuộc khảo sát dựa trên phân tích phản hồi từ hơn 6,800 ứng viên tham gia khảo sát, đồng thời, người tham gia khảo sát cũng đã điền thông tin khác như vị trí, chức vụ và số năm kinh nghiệm,...

Bên cạnh đó, mức lương tối đa cho một vị trí làm việc cũng được tham khảo từ nhà tuyển dụng là khách hàng của Navigos Group. Xin lưu ý rằng các số liệu được hiển thị trong cuộc khảo sát này là lương cơ bản, không bao gồm tiền thưởng hoặc các phúc lợi khác.

Mặc dù báo cáo đã được thu thập và phân tích với sự chi tiết và minh bạch nhất, thế nhưng báo cáo này không đại diện cho toàn bộ thị trường. Báo cáo lương 2022 của Navigos Group chỉ mang tính chất tham khảo. Tất cả thông tin trên báo cáo không được sao chép một phần hoặc toàn bộ mà không có sự cho phép chính thức từ Navigos Group.



2

TỔNG QUAN VỀ CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2021

1. TỔNG QUAN VỀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	12
2. MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI	13
3. CÁC YẾU TỐ GIỮ CHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI CÔNG TY HIỆN TẠI	14
4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN CÔNG VIỆC MỚI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	15

CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI NHẬN NGOÀI LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

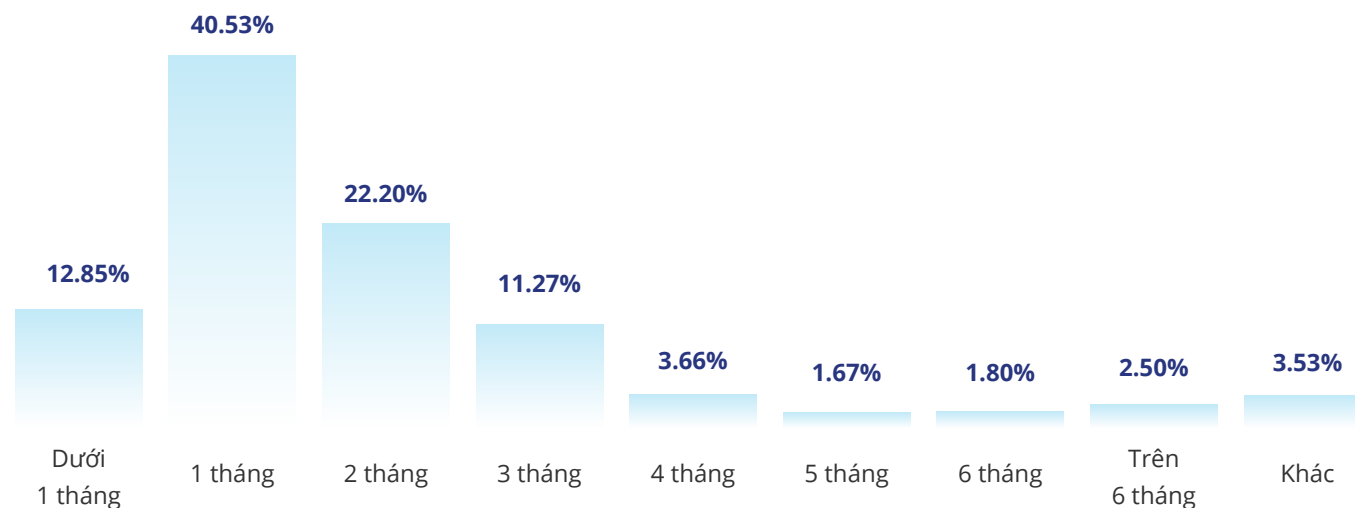
? Chế độ phúc lợi nhận ngoài lương của người lao động

Khi được hỏi về chế độ phúc lợi người lao động nhận ngoài lương, chúng tôi nhận thấy danh sách 10 phúc lợi hàng đầu mà người lao động nhận được đến thời điểm khảo sát lương 2022 xếp theo thứ tự giảm dần như sau:

1. Lương tháng 13.
2. Phúc lợi về sức khỏe, y tế.
3. Chương trình chăm sóc sức khỏe.
4. Thời gian làm việc linh hoạt.
5. Phụ cấp đi lại.
6. Làm việc tại nước ngoài.
7. Ứng trước lương.
8. Chế độ làm việc linh hoạt.
9. Ngày nghỉ/ ngày nghỉ dịp sinh nhật.
10. Hỗ trợ phí cho học tập.

? Số tháng lương trung bình mà người lao động được thưởng năm 2021

Năm 2021, số tiền thưởng trung bình cao nhất mà người lao động nhận được là 1 tháng lương chiếm 40.53%, theo sau chiếm 22.2% người tham gia được nhận thưởng 2 tháng lương. Có đến 12.85% người lao động nhận thưởng dưới 1 tháng lương, điều này chứng minh ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid -19 đã tác động đến doanh nghiệp trong việc chi tiền thưởng cho nhân viên.



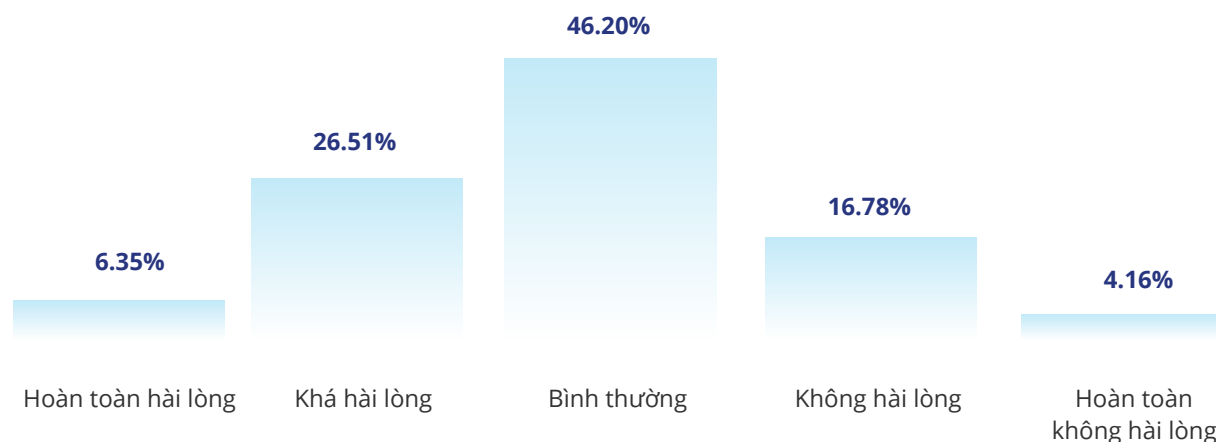
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI



Mức độ hài lòng của người lao động về chế độ phúc lợi của công ty

Theo số liệu từ khảo sát, gần 33% người tham gia khảo sát khá hài lòng và hoàn toàn hài lòng về chế độ phúc lợi của công ty hiện tại.

46.2% người lao động cảm thấy ổn với chế độ phúc lợi của công ty, nhưng bên cạnh đó vẫn còn gần 21% không hài lòng và hoàn toàn không hài lòng về chế độ phúc lợi của công ty hiện tại.



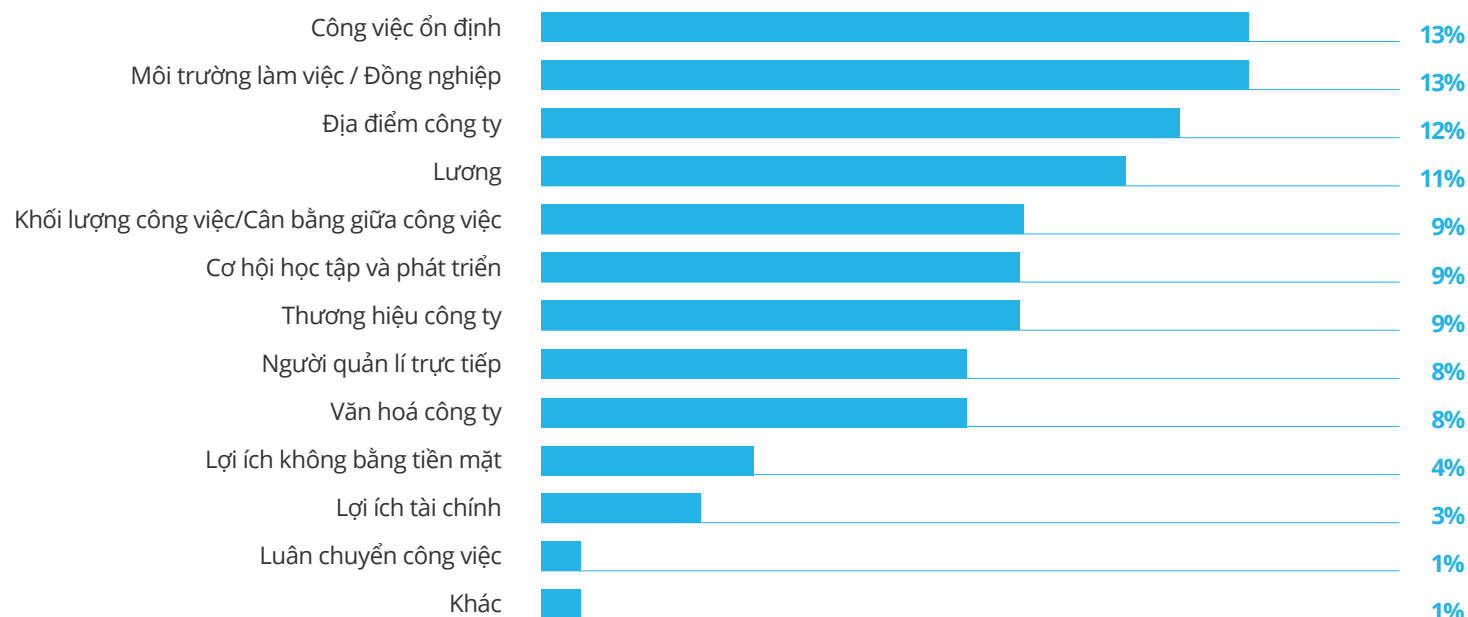
CÁC YẾU TỐ GIỮ CHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI CÔNG TY HIỆN TẠI

? Các yếu tố giữ chân người lao động với công ty hiện tại

Khi được hỏi về những yếu tố giữ chân người lao động làm việc ở công ty hiện tại, đa số người tham gia khảo sát trả lời rằng: **Do Môi trường làm việc/ Đồng nghiệp và Công việc ổn định là những yếu tố giữ chân họ ở lại chiếm xấp xỉ 13%.**

Địa điểm làm việc của công ty cũng là một yếu tố quan trọng được người lao động lựa chọn, chiếm gần 12%.

Tiền lương xếp vị trí thứ 4 trong danh sách với tỉ lệ 11%, ngoài ra còn có những yếu tố khác như: Thương hiệu công ty, cơ hội học tập và phát triển ở công ty hiện tại cũng là những lý do mà người lao động gắn bó với công ty họ đang làm việc.



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN CÔNG VIỆC MỚI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

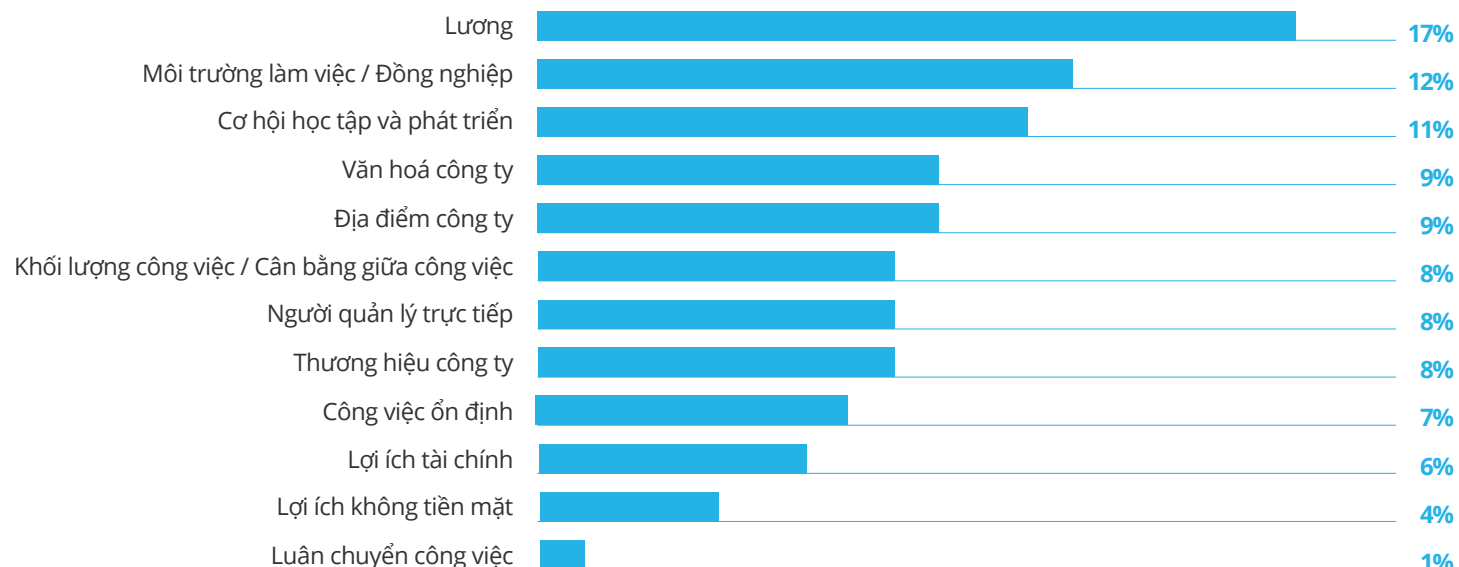


Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công việc mới của người lao động

Theo số liệu thu được khi tìm kiếm một công việc mới, **hơn 17% người tham gia khảo sát trả lời rằng Lương chính là yếu tố quan trọng nhất đối với họ.**

Theo sau chính là những yếu tố như Môi trường làm việc ổn và đồng nghiệp thân thiện, Cơ hội học tập và phát triển cũng được số đông người lao động đang tìm kiếm ở công ty mới chiếm lần lượt 12% và 11%.

Các yếu tố tiếp theo được người lao động tìm kiếm ở công ty mới chính là: Vị trí công ty, thương hiệu công ty, sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống cũng như người quản lý trực tiếp,... Điều này đặt ra những thách thức đối với các doanh nghiệp trong kế hoạch tuyển dụng và giữ chân nhân tài.



3

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID – 19 TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. THỰC TRẠNG COVID-19 ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

17

2. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

18

3. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID - 19 ĐẾN TỈ LỆ ĐỀ XUẤT TĂNG LƯƠNG THÀNH CÔNG

19

THỰC TRẠNG COVID-19 ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

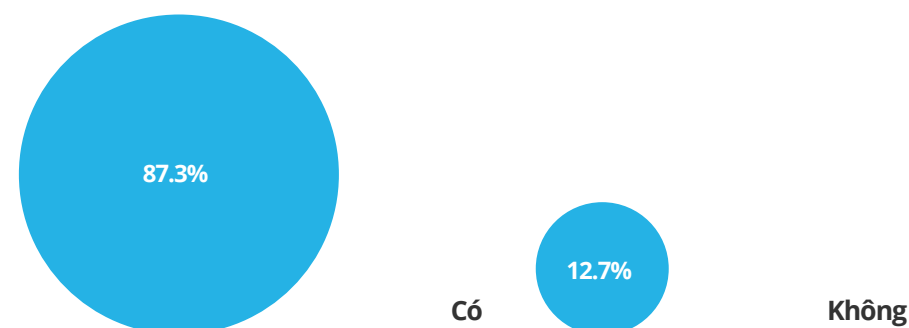
Hơn **87%** người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là số liệu thể hiện trong báo cáo “Thị trường lao động trong làn sóng Covid-19 lần thứ 4 năm 2021: THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG ĐI” được phát hành bởi Navigos Group. Có thể thấy rằng đợt dịch Covid lần thứ 4 đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến người lao động hơn tất cả những đợt dịch trước cộng lại.

Hơn 87% là con số cao kỷ lục, tình trạng số người thất nghiệp gia tăng nhanh chóng, việc làm khan hiếm, nguồn thu nhập hàng tháng giảm sút, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người lao động.

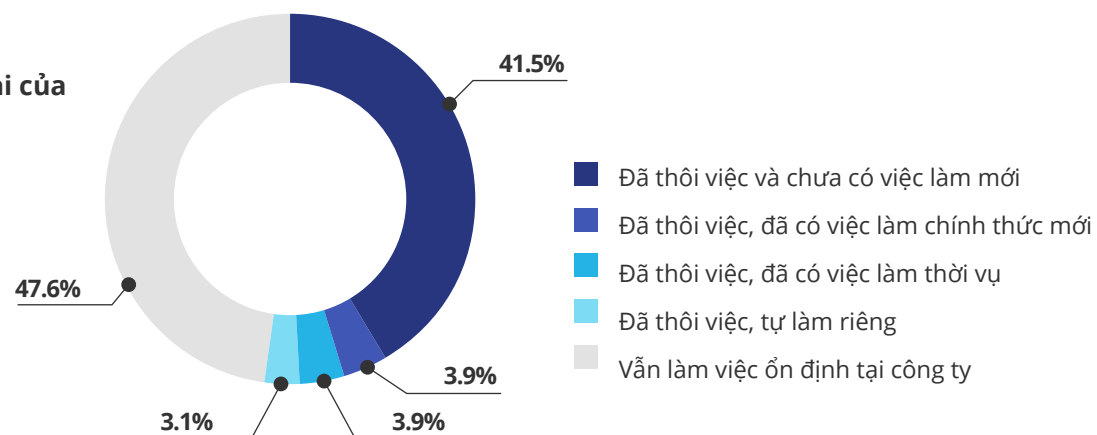
Theo số liệu trong báo cáo đã phát hành, có đến **41.5%** người lao động cho biết họ đã thôi việc và chưa có việc làm mới.

Bên cạnh đó, số người lao động đang làm việc ổn định tại công ty vẫn chiếm tỉ lệ khá lớn với trên **47%**. Nhóm đã thôi việc nhưng đã có việc làm mới chính thức và thời vụ chiếm phần tỉ lệ thấp hơn. Một số ít đã thôi việc và tự ra ngoài làm kinh doanh riêng.

? Công việc bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19



? Tình trạng hiện tại của người lao động



ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Theo số liệu thu được tại bảng khảo sát lương 2022, có đến 61.11% người tham gia khảo sát cho biết lương của họ không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19, đây thực sự là 1 tín hiệu đáng mừng. Trong khi đó, vẫn có người lao động bị cắt giảm lương dao động từ dưới 10% đến 50% lương, với tỉ lệ như sau:

9.31%

người tham gia khảo sát

cho biết lương đã bị cắt giảm ít hơn 10%

Người lao động tham gia khảo sát bị cắt giảm lương từ 20% - 30% và từ 30% - 40% lần lượt là

7.08% & 4.17%

7.40%

người tham gia khảo sát

cho biết lương đã bị cắt giảm dao động từ 10%-20%

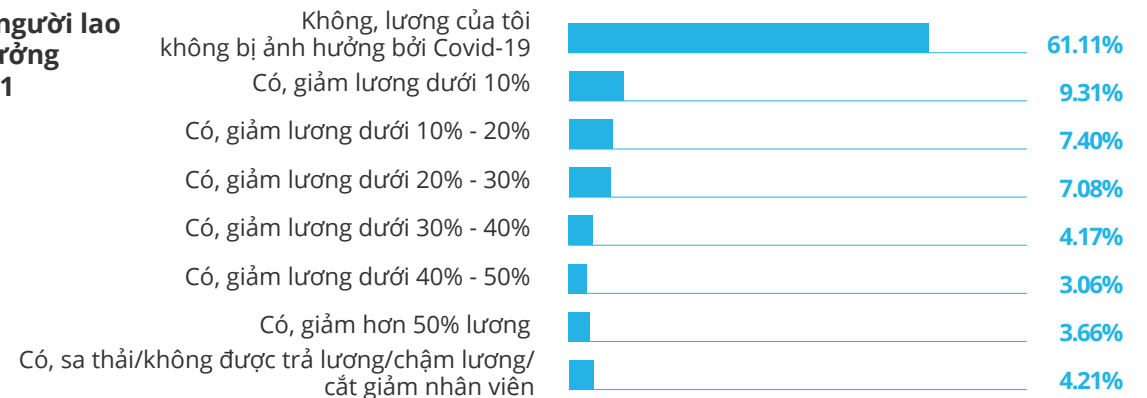
Tỉ lệ người lao động bị cắt giảm lương từ 40% - 50% và cắt giảm hơn 50% lương cũng chiếm tương đối ở mức

3.06% & 3.66%

Ngoài ra, theo số liệu thống kê từ báo cáo, cũng đã có 4.21% người lao động chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch Covid - 19 khi rơi vào trường hợp bị cắt giảm nhân sự, hoặc không được trả lương, chậm lương, và đây là ảnh hưởng không mong muốn nhất của người lao động khi trải qua làn sóng dịch Covid - 19 năm 2021 này.



Thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng trong năm 2021



ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID - 19 ĐẾN TỈ LỆ ĐỀ XUẤT TĂNG LƯƠNG THÀNH CÔNG

Theo số liệu từ bảng khảo sát, trong năm 2021 có **đến 57.59% người tham gia cho biết họ đã không đề xuất tăng lương**, do tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng rất nặng nề đến tình hình kinh doanh nên có thể nói đây là thời điểm chưa phù hợp để đề xuất tăng lương.

Trong khi đó, có đến 11.59% người tham gia cho biết đã đề xuất tăng lương nhưng không thành công.

Tuy nhiên, cũng có bộ phận người tham gia khảo sát cho biết họ đã thành công trong việc đề xuất tăng lương tương ứng với tỉ lệ như sau:

Tỉ lệ đề xuất tăng lương thành công dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19

3.93%

người tham gia khảo sát

được tăng lương ở mức 3%

4.58%

người tham gia khảo sát

được tăng lương ở mức trên 3% đến khoảng 5%

8.91%

người tham gia khảo sát

được tăng lương ở mức trên 5% đến khoảng 10%

6.37%

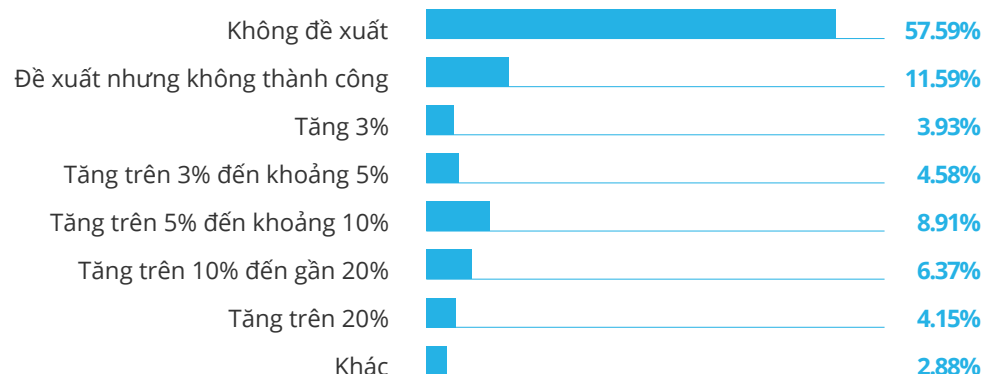
người tham gia khảo sát

được tăng lương ở mức trên 10% đến khoảng 20%

4.15%

người tham gia khảo sát

được tăng lương ở mức trên 20%



4

KỶ VỌNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. KỶ VỌNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỀ CHÍNH SÁCH
THĂNG TIẾN CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

21

2. DỰ ĐỊNH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
TRONG VÒNG 3 - 6 THÁNG TỚI

22

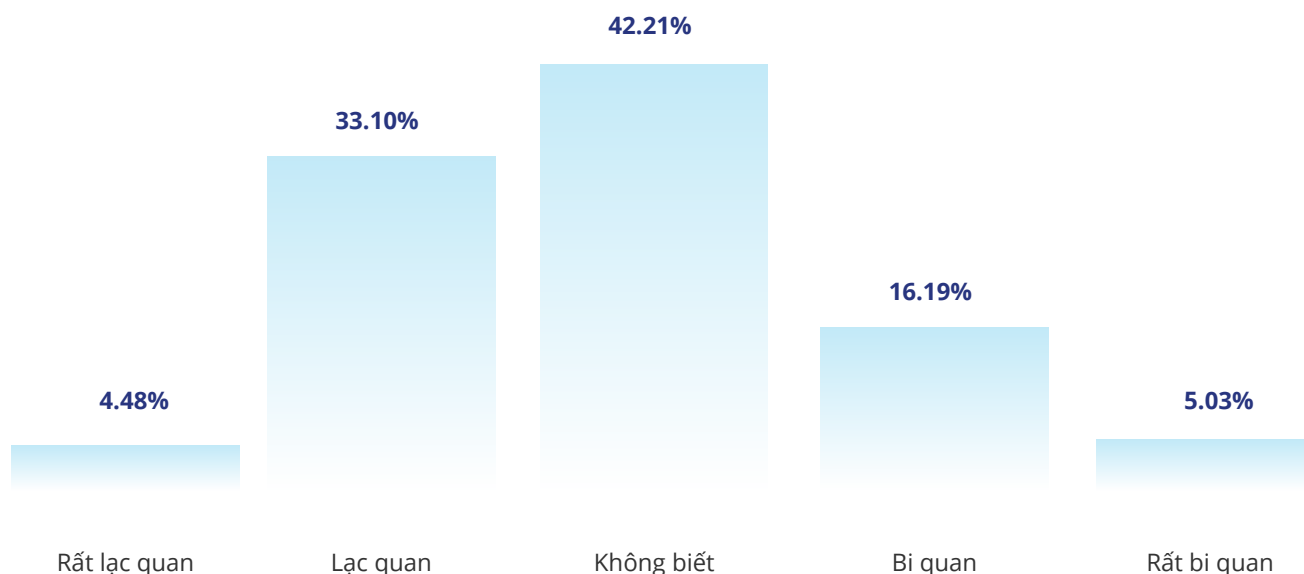
KỶ VỌNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỀ CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

Khi được hỏi về sự kỳ vọng về chính sách thăng tiến của công ty trong năm 2022, đa số người tham gia khảo sát chiếm hơn **42.21% chưa thể đưa được ra câu trả lời**. Bởi đây là yếu tố khách quan, nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như sự phục hồi của các doanh nghiệp nói riêng phần lớn phụ thuộc vào tình hình dịch bệnh Covid - 19 vào năm tới sẽ chuyển biến theo hướng như thế nào. Người lao động chưa thể biết tình hình dịch bệnh tốt hơn hay xấu đi nên họ không thể chắc chắn khi đưa ra câu trả lời.

Song song với đó, có gần 38% người tham gia khảo sát có cái nhìn lạc quan và rất lạc quan về chính sách thăng tiến của công ty trong năm mới. Việc này chứng minh người lao động đang rất kỳ vọng sự phục hồi kinh tế của các doanh nghiệp trong năm 2022 là điều rất khả thi.



Người lao động kỳ vọng về chính sách thăng tiến của công ty trong năm 2022



DỰ ĐỊNH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG VÒNG 3 - 6 THÁNG TỚI

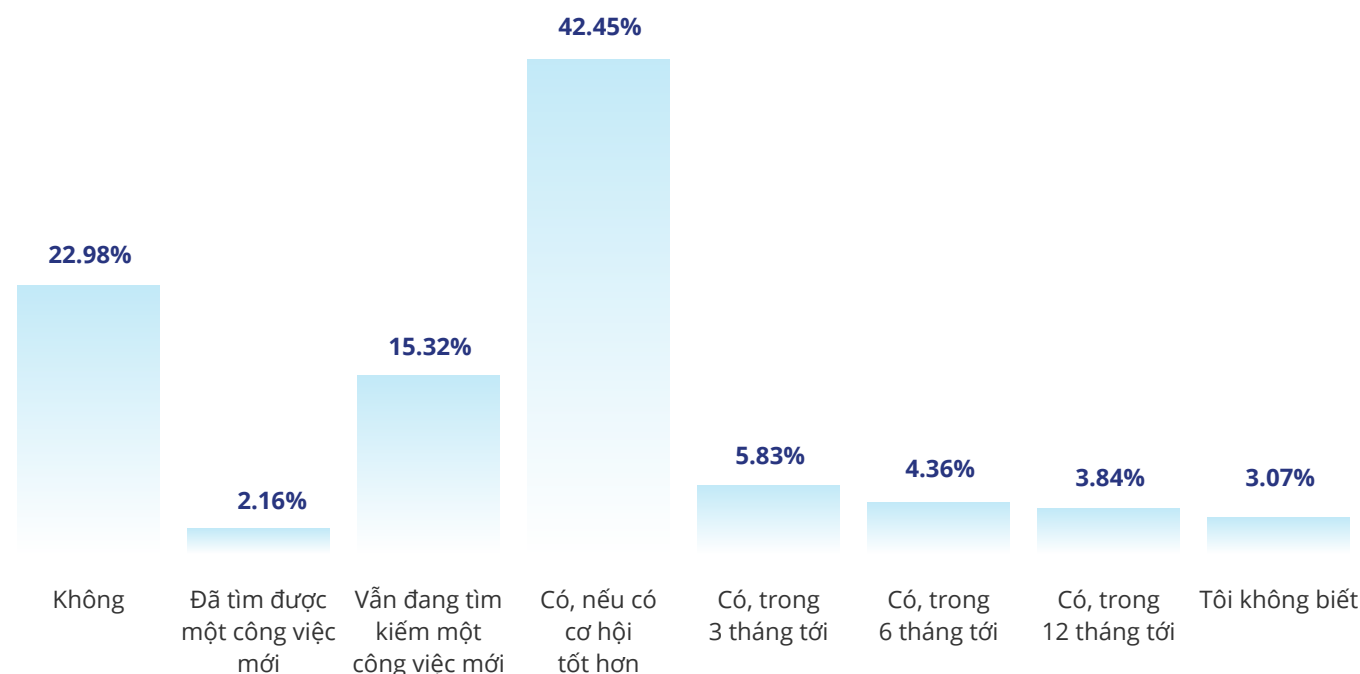
Theo thống kê từ cuộc khảo sát, khi được hỏi về dự định trong tương lai cho ý định chuyển việc, có đến **42.45%** người lao động cho biết sẽ chuyển sang công việc mới nếu tìm được cơ hội việc làm tốt hơn. Bên cạnh đó, **15.32%** người tham gia khảo sát cho biết vẫn đang tìm kiếm một công việc mới. Và **2.16%** người tham gia khảo sát cho biết đã tìm được một công việc mới.

Về dự định trong tương lai với ý định chuyển việc trong vòng 3 tháng tới, 6 tháng tới và 12 tháng tới tương ứng với tỉ lệ phản hồi từ người tham gia khảo sát là **5.83%**, **4.36%** và **3.84%**.

Ngoài ra, theo thống kê từ cuộc khảo sát, cũng có **22.98%** người tham gia khảo sát không có ý định chuyển việc trong thời gian sắp đến.



Ý định tìm việc của người lao động trong vòng 3 đến 6 tháng tới



BÁO CÁO LƯƠNG 2022

5

BÁO CÁO LƯƠNG NĂM 2022

*Đơn vị tính: USD

1. Xây dựng + Bất động sản	25
2. Thiết bị điện tử	29
3. Công nghệ thông tin + Viễn thông	30
4. Ngân hàng	35
5. May mặc / Dệt may / Da giày	40
6. Thực phẩm và đồ uống + Ngành hàng tiêu dùng nhanh	43
7. Giáo dục	46
8. Vận tải / Giao nhận / Chuỗi cung ứng	50
9. Bán lẻ / Bán buôn	53
10. Tự động hóa / Ô tô	56
11. Hóa chất / Vật liệu xây dựng + Bao bì / In ấn / Nhựa	59
12. Dịch vụ tư vấn kinh doanh: Pháp lý, quản lý, cấp phép, truyền thông, quảng cáo	62
13. Dược phẩm	65
14. Khách sạn và Du lịch	67
15. Nông nghiệp	71
16. Dịch vụ tài chính (quỹ, đầu tư, kiểm toán, thuế) + Chứng khoán	73
17. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	76
18. Thương mại điện tử / Dịch vụ trực tuyến + Công nghệ tài chính	80
19. Năng lượng / Năng lượng tái tạo + Dầu khí	82
20. Bảo hiểm	86
21. Các ngành khác	89
22. Thương mại & Dịch vụ có vốn đầu tư của Nhật Bản	94
23. Ngành sản xuất có vốn đầu tư của Nhật Bản	96

XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	9,400	30,000	10,000	N/A
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	300	N/A
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200	650	1,080
	Trưởng nhóm / Giám sát	695	1,300	695	1,300
	Trưởng phòng	1,000	2,400	1,000	2,400
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	9,000	3,000	8,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	1,100	520	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	800	1,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	1,900	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	7,000	2,500	6,000
	Phó Tổng Giám Đốc	6,000	14,000	6,500	15,000
Thiết kế	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,800	1,000	1,700
	Trưởng phòng	2,000	3,500	2,000	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	12,000	3,500	14,000
Phát triển kinh doanh Phát triển dự án	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	450	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,500	900	2,400
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	13,000	3,000	13,000

XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Trưởng phòng dự án	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	1,200	600	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	2,000	800	2,000
	Trưởng phòng	1,800	3,500	1,800	3,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	8,600	2,500	7,400
Chi phí & Hợp đồng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,300	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	2,800	1,000	2,500
	Trưởng phòng	2,000	3,500	2,000	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	7,000	3,000	7,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	700	300	620
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	900	520	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,700	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,800	1,000	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,000	2,500	4,000
Kế toán/tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,500	500	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,700	800	1,700
	Trưởng phòng	1,300	3,500	1,300	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	17,300	4,000	15,000
Môi trường / An Toàn	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	700	300	700
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,800	750	1,500
	Trưởng phòng	1,000	3,500	1,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	4,000	1,500	3,500

XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đầu tư	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	1,000	400	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,700	600	1,500
	Trưởng phòng	1,700	4,000	1,700	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,400	15,000	3,400	10,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	1,000	400	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,500	700	1,300
	Trưởng phòng	1,500	4,300	1,500	4,300
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	15,000	4,000	13,000
Kinh doanh/Bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	217	500	340	650
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	1,200	500	1,300
	Trưởng phòng	1,333	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,400	10,000	3,000	9,000
Truyền thông / Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	700	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	860	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,700	700	1,700
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,000	9,000
Trưởng phòng tài sản	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	1,200	400	1,100
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,600	700	1,500
	Trưởng phòng	1,300	3,050	1,300	3,050
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	12,000	3,500	11,000

XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kiểm tra chất lượng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,700	800	1,600
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	4,200	2,000	4,000
Nghiên cứu & Phát triển	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	800	300	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,500	600	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,200	1,500	3,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,400	7,000	3,400	7,000

THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	520	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	325	650	500	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	520	975	1,200	2,000
	Trưởng phòng	650	1,950	1,500	3,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	325	455	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	650	800	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	780	1,000	1,500
	Trưởng phòng	780	1,300	1,200	2,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	520	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	650	800	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	975	1,000	2,000
	Trưởng phòng	975	3,250	1,500	5,000
Tài chính / Kế toán	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	780	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	975	1,200	1,500
	Trưởng phòng	975	2,600	1,500	4,000
	Giám đốc	2,600	4,550	4,000	7,000

THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	780	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	1,300	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,950	3,250	3,000	5,000
	Giám đốc	3,250	4,550	5,000	9,000
Môi trường An toàn Sức khỏe	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	390	780	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	975	1,000	1,500
	Trưởng phòng	975	1,950	1,500	3,000
IE/CI/Lean	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	390	780	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	975	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,300	2,600	2,000	4,000
Xuất nhập khẩu	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	325	780	500	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	975	1,000	1,500
	Trưởng phòng	780	1,625	1,200	2,500
IT	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	260	650	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	325	780	500	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	1,300	1,000	2,000
	Trưởng phòng	975	1,950	1,500	3,000

THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	390	780	600	1,200
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	585	1,300	900	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	1,950	1,200	3,000
	Trưởng phòng	1,950	3,250	3,000	5,000
Chuỗi cung ứng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	325	585	500	900
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	780	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	975	1,200	2,000
	Trưởng phòng	975	1,625	4,000	10,000
Bảo trì	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 5 năm kinh nghiệm	325	585	500	900
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	780	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	975	1,200	1,500
	Trưởng phòng	975	1,950	1,500	3,000

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN + VIỄN THÔNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	4,000	12,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	4,000	10,000	6,000	20,000
Phát triển kinh doanh	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	1,000	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,500	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	2,500	5,000
Dữ liệu	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	2,000	1,000	4,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,500	1,700	4,000
	Trưởng phòng	1,700	3,500	2,000	5,000
Phát triển phần mềm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	900	400	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	3,000	1,000	5,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	2,500	1,500	3,000
	Trưởng phòng	1,800	3,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	4,500	11,000
Kế toán / Tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,800	650	2,000
	Trưởng phòng	1,300	2,500	1,800	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	3,000	2,000	7,000

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN + VIỄN THÔNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Phần cứng / Hệ thống	Có kinh nghiệm / Chưa là quản lý	500	2,000	700	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	2,000	1,000	2,500
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,500	3,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,500	700	1,800
	Trưởng nhóm/ Giám sát	700	1,700	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,300	1,900	1,800	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	2,500	4,500
Hỗ trợ kỹ thuật	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	800	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,100	1,000	1,700
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,500	1,000	2,200

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN + VIỄN THÔNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Truyền thông / Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	550	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,500	800	1,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,100	1,800	1,300	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,700	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500	3,000	4,500
Sản phẩm	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	2,000	1,000	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,500	2,500	5,000
Kiểm thử, kiểm soát chất lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,500	600	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,750	1,300	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	4,000

NGÂN HÀNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đào tạo	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,500	600	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,500	3,500	2,000	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	8,000	4,000	6,000
Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	2,500	1,500	4,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	3,000	2,000	5,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	4,000	10,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	7,000	20,000	8,000	20,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	450	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	700	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,800	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	5,000	4,500	5,000
Dữ liệu	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	3,000	1,000	3,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	3,000	1,500	3,000
	Trưởng phòng	2,500	5,000	2,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	15,000	4,000	12,000

NGÂN HÀNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	500	450	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	1,000	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,500	1,500	2,700
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	6,000	20,000	7,000	15,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	900	700	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,200	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	15,000	4,000	15,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,500	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,800	5,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	7,000	25,000	7,000	12,000
Kiểm toán nội bộ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,500	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	2,000	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,000	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	7,000	3,500	7,000

NGÂN HÀNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	2,000	1,000	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	3,000	2,000	3,500
	Trưởng phòng	2,500	4,000	3,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	20,000	4,000	20,000
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	600	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,500	1,000	2,500
	Trưởng phòng	1,500	5,000	3,000	6,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	8,000	15,000	5,000	10,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	525	775	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	6,000	12,000	5,000	9,000
Sản phẩm	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	2,000	1,200	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,500	1,800	2,500
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	8,000	4,500	12,000
Trưởng phòng tài sản	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	1,000	1,500
Mua hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	600	1,000
	Trưởng phòng	2,500	4,000	2,000	3,500

NGÂN HÀNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Trưởng phòng rủi ro	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	1,300	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,200	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,500	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	15,000	4,000	15,000
Ngân hàng bán lẻ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	700	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	4,000	1,800	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	6,000	20,000	7,000	15,000
Ngân hàng giao dịch	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	450	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	2,000	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,500	1,500	3,000
	Trưởng phòng	2,500	3,000	2,500	6,000
Nguồn vốn	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	2,500	800	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	3,500	1,500	3,500
	Trưởng phòng	2,000	5,000	2,500	6,000

MAY MẶC / DỆT MAY / DA GIÀY

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành chính nhân sự & Quản trị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	650	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	830	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,500	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	3,500	8,000
Kế toán và tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	650	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,200	1,200	1,600
	Trưởng phòng	1,200	3,500	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	4,000	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	900	700	1,000
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	4,500
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Bán bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	1,000	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	600	1,500	840	1,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,700	4,000	8,000

MAY MẶC / DỆT MAY / DA GIÀY

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Bán hàng, phát triển kinh doanh, dịch vụ bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,500	800	1,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,300	800	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	8,000	4,000	9,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	900	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,500	3,000	5,000
Tìm nguồn cung ứng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	900	2,500
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,200	5,000
Tính giá thành sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,800	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,500	4,500	2,000	5,000
An toàn/ Sức khỏe/ Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	800	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	4,000

MAY MẶC / DỆT MAY / DA GIÀY

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Quy trình phát triển mẫu	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	1,200	3,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,100	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,200	5,500	2,500	6,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,700	4,800	4,000	5,000
Cơ khí/ Bảo trì	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	700	1,200
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,200	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	3,000	4,000
Kỹ thuật công nghiệp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	5,500	4,000	6,000
Đảm bảo chất lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	700	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,700	4,500	3,000	5,000

MAY MẶC / DỆT MAY / DA GIÀY

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,200	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	5,000	4,000	7,000
Thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,700	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,200	2,500	2,000	3,500

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG + NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	7,000	7,000	18,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	5,000	10,000	10,000	20,000
Tiệc / Bếp	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	3,000	700	3,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	300	1,000	700	1,500
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	10,000	3,000	10,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	1,500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	625	900	700	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,075	1,450	1,500	2,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	4,500	8,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	7,000	12,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	600	600	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,100	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,700	5,000	3,000	12,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	2,500	7,000	5,000	10,000
Truyền thông / Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	650	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,400	1,000	1,400
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,400	1,150	1,400
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,767	3,667	7,000	18,000

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG + NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	650	300	500
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	1,000	1,000	1,500
	Trưởng phòng	500	1,700	1,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	5,750	4,000	5,000
Sản xuất	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,500	850	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,500	750	1,500
	Trưởng phòng	800	2,500	2,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,200	5,000	3,000	10,000
Mua hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,200	1,500	1,500	1,900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	800	2,000
	Trưởng phòng	2,500	3,000	2,700	6,000
Nghiên cứu & Phát triển	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	750	1,200	750	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,200	2,000	2,500
	Trưởng phòng	1,000	1,500	3,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,200	3,500	5,000	7,000

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG + NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	1,700	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	2,300	3,000
	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,400	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,000	6,000	12,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	10,000	13,000	10,000	15,000
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,000	1,700
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	4,000	5,000	10,000

GIÁO DỤC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đào tạo	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200	900	1,350
	Trưởng nhóm / Giám sát	850	1,250	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	3,500	8,000
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	750	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	900	1,200
	Trưởng phòng	1,150	1,500	1,200	1,750
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	350	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	600	550	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	850	850	1,050
	Trưởng phòng	1,000	1,200	1,200	2,000
Ban giám đốc	Trưởng phòng	850	1,500	1,500	2,200
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	4,000	10,000	4,000	10,000
Tuyển sinh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	500	500	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	750	650	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	900	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,100	1,500	1,700	2,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	2,500	6,000

GIÁO DỤC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nghiên cứu thị trường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	650	550	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	850	800	1,100
	Trưởng phòng	900	1,500	1,200	1,500
Giáo viên	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	1,300	700	1,500
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	650	500	700
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	900	850	1,000
	Trưởng phòng	1,000	1,200	1,200	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,200	2,000	1,500	2,500
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	400	450	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	600	650	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	550	800	850	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	2,500	2,500	5,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	450	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	600	600	1,100
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	900	1,200	2,000
	Trưởng phòng	1,800	2,200	2,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,000	3,000	10,000

GIÁO DỤC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	850	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,150	1,300	1,800
	Trưởng phòng	1,300	2,000	1,600	2,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500	2,500	4,500
Thư viện	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	400	450	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	600	600	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	900	850	1,500
	Trưởng phòng	1,000	1,200	1,500	2,000
Truyền thông / Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	800	750	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	900	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	1,400	1,800	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	3,000	2,500	5,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	400	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	650	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	950	1,200	1,500
	Trưởng phòng	800	1,200	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,500	2,200	4,000

GIÁO DỤC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	550	450	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	650	650	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	850	850	1,200
	Trưởng phòng	800	1,000	1,250	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,000	5,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	550	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	900	750	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,600	1,250	1,800
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,700	2,500

VẬN TẢI / GIAO NHẬN / CHUỖI CUNG ỨNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	400	400	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	800	1,000
	Trưởng phòng	800	1,000	2,500	3,000
Giao nhận vận chuyển đường không / đường biển	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	480	720	550	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	800	1,300
	Trưởng phòng	1,000	1,750	1,250	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,400	3,000	2,500	3,500
Ban giám đốc	Trưởng phòng	1,000	1,500	3,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,100	1,700	4,000	6,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	1,900	3,500	5,600	9,000
Hải quan	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	600	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	800	1,000
	Trưởng phòng	1,000	1,300	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	1,500	1,500	2,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	350	550	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	400	700	700	1,000
	Trưởng phòng	700	1,000	1,300	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,000	3,500

VẬN TẢI / GIAO NHẬN / CHUỖI CUNG ỨNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	350	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,200	1,800	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,350	1,800	850	1,200
	Trưởng phòng	800	1,000	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	2,500	5,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,150	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,700	2,100	2,850
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,700	2,500	3,000	5,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,200	1,500
Truyền thông / Tiếp thị	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	900	1,250
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600	400	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	820	520	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	1,000	750	1,100
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,300	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	5,000	3,000	5,000

VẬN TẢI / GIAO NHẬN / CHUỖI CUNG ỨNG

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Mua hàng	Trưởng phòng	800	1,000	1,000	1,500
Điều phối vận tải Điều vận	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	750	900	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	500	800
	Trưởng phòng	1,000	1,300	1,800	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,500	5,000
Trung tâm phân phối Kho	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	750	1,150
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,150	1,000	1,500
	Trưởng nhóm	2,000	2,700	1,500	4,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	3,000	2,700	4,500

BÁN LẺ / BÁN BUÔN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đào tạo	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	400	550
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	900	1,200
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	350	575	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,500	2,000
Dịch vụ sau bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	600
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	550	900
Ban giám đốc	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	6,875	9,250	10,000	30,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	700	1,000
	Trưởng phòng	1,200	1,600	1,500	1,900
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,200	3,500	3,000	7,800
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	650	500	800
	Trưởng phòng	800	1,000	1,000	1,200
Thương mại điện tử	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	1,000	1,200
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200	700	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,300	2,000	1,700	3,000
	Trưởng phòng	2,100	4,000	2,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	8,000	6,500	10,000

BÁN LẺ / BÁN BUÔN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,400	1,200	1,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,800	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,500	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	7,000	5,000	10,000
Pháp lý & Tuân thủ	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,200	800	1,000
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	5,000	10,000
Marketing Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	700	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	2,000	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	5,000	3,500	6,000
Vận hành	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,300	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	3,000	1,500	5,000
Mua hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	2,000	700	933
	Trưởng phòng	1,000	3,500	1,000	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	3,000	6,000

BÁN LẺ / BÁN BUÔN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	650	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,100	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,200	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	3,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	3,500	10,000
Kho	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	500	1,000
	Trưởng phòng	800	1,500	1,500	2,000

TỰ ĐỘNG HÓA/ Ô TÔ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành Chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	390	650	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	975	1,300	1,500	2,000
Dịch vụ sau bán	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	780	975	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,300	1,950	2,000	3,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	247	390	380	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	975	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	585	975	900	1,500
	Trưởng phòng	715	2,600	1,100	4,000
Trưởng phòng điều hành	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,250	4,550	5,000	7,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	520	780	800	1,200
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	397	780	610	1,200
	Trưởng phòng	780	2,925	1,200	4,500
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	234	520	360	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	520	1,040	800	1,600
	Trưởng phòng	975	1,950	2,000	5,000
IE/CI/Lean	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	780	975	1,200	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,300	2,275	2,000	3,500
IT	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	195	520	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	1,300	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	1,170	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,170	1,950	1,800	3,000

TỰ ĐỘNG HÓA/ Ô TÔ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Xuất nhập khẩu	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	306	390	470	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	416	520	640	800
Pháp chế	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	403	520	620	800
Bảo dưỡng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	260	520	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	325	780	500	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	1,495	1,000	2,300
	Trưởng phòng	1,300	1,625	2,000	2,500
Tiếp thị / Thương hiệu	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	455	520	700	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	975	1,000	1,500
	Trưởng phòng	845	1,625	1,300	2,500
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	195	390	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,021	1,170	1,570	1,800
	Trưởng phòng	1,144	1,300	1,760	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,430	1,625	2,200	3,000
Sản xuất / Kế hoạch	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	195	520	300	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	501	650	770	1,000
	Trưởng phòng	975	1,300	1,500	3,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	325	650	500	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	975	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,950	2,600	3,000	4,000

TỰ ĐỘNG HÓA/ Ô TÔ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Chất lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	260	520	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	585	650	900	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	390	780	600	1,200
	Trưởng phòng	650	1,625	1,000	2,500
Nghiên cứu & Phát triển	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,950	3,250	800	1,500
	Trưởng phòng	780	1,625	1,500	2,500
Kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	221	520	340	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	780	975	1,200	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	520	1,170	800	1,800
	Trưởng phòng	1,014	1,950	1,560	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,625	3,250	3,500	7,000
Kho	Trưởng nhóm / Giám sát	520	780	800	1,200

HÓA CHẤT / VẬT LIỆU XÂY DỰNG + BAO BÌ / IN ẤN / NHỰA

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	3,000	7,000	5,000	15,000
Nhân sự Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	700	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	900	800	1,000
	Trưởng phòng	1,300	3,500	1,700	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,200	4,400	4,000	8,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	800	1,600
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	833	1,267
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,800	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,200	5,000	4,500	8,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500	1,100	2,200
	Trưởng phòng			2,000	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,250	4,500	4,000	8,000
Chuỗi cung ứng Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	650	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	825	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,700	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,200	4,500	4,000	8,000

HÓA CHẤT / VẬT LIỆU XÂY DỰNG + BAO BÌ / IN ẤN / NHỰA

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý			700	2,000
	Trưởng phòng			2,000	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	4,000	8,000
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	480	1,000	600	1,230
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,050	920	1,600
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,700	2,500
Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	900	1,320
	Trưởng nhóm / Giám sát			1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,700	2,500
Phòng thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	800	1,300
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,800	2,500
Sản xuất	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	4,500	4,000	8,000

HÓA CHẤT / VẬT LIỆU XÂY DỰNG + BAO BÌ / IN ẤN / NHỰA

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,600
	Trưởng nhóm / Giám sát	933	1,333	600	940
	Trưởng phòng	1,150	2,500	1,800	3,250
Phòng kiểm tra chất lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	600	1,000	700	1,025
	Trưởng phòng	1,150	2,000	1,700	2,500

DỊCH VỤ TƯ VẤN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	400	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	600	650	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	900	1,000	1,200
	Trưởng phòng	1,000	1,200	1,300	1,800
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	500	450	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	650	750	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,200	1,300	1,550
	Trưởng phòng	1,200	1,700	1,700	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	2,500	6,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	450	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	750	550	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,200	2,000	2,500
Kế toán/tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	850	650	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,150	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,500	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	2,500	4,000

DỊCH VỤ TƯ VẤN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	560	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	800	650	950
	Trưởng nhóm / Giám sát	780	1,100	1,000	1,450
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,500	2,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500		
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	550	450	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	800	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,000	1,350	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	3,500	8,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	850	850	1,250
	Trưởng nhóm / Giám sát	950	1,500	1,350	2,000
	Trưởng phòng	1,500	1,800	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	3,000	5,000
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550	400	750
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	750	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	950	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,000	1,500	2,000	2,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	3,000	5,000

DỊCH VỤ TƯ VẤN

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	850	650	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,000	1,350	1,250	1,850
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,800	2,500
	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	1,100	750	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,600	1,300	1,800

DƯỢC PHẨM

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	5,700	5,000	10,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	3,000	12,000	7,000	15,000
Kế toán / Tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,200	700	2,500
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	4,000	3,000	7,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	800	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	3,000	7,000
Phòng thí nghiệm	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	2,500	4,000
Marketing Truyền thông Phụ trách sản phẩm Quan hệ Chính phủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	1200	3,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,700	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	7,000	5,000	8,000
Bộ phận sản xuất Bộ phận hỗ trợ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	1,000	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	10,000	7,000	12,000
	Trưởng phòng - Kỹ thuật/ Bảo trì/ QA - QC/ EHS	1,000	4,000	2,000	5,000
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,500	3,000	3,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	7,000	10,000	12,000

DỰỢC PHẨM

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	1,500	2,500
	Quản lý vùng	1,000	1,500	1,500	2,700
	Quản lý - Quản lý khu vực	2,000	2,500	2,500	5,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	7,000	7,000	10,000
Chuỗi cung ứng	Trưởng phòng	1,500	4,000	2,000	7,000

KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	450	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	650	500	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	1,200	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,500	1,500	2,500
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	350	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	600	600	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	1,000	800	1,200
	Trưởng phòng	1,000	1,200	1,200	1,800
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,200	2,000	1,800	3,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	750	700	1,100
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	1,200	1,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận - CFO	2,000	3,000	2,500	5,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,800	2,500
Quản lý ẩm thực	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	750	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,500	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,500	1,800	4,000
Tiền sảnh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550	450	700
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,500	2,700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	750	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	1,500

KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	450	300	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	600	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,800	1,000	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	3,500	2,000	5,000
	Trưởng phòng - Đào tạo / C & B / Giám đốc tuyển dụng	1,200	2,000	1,400	3,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	750
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	700	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	850	1,700
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,800	3,000
Bếp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	700	550	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	750	1,200	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	2,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,500	2,000	4,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,200	2,200
	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	550
Thể thao & giải trí	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	600	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,300	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	1,800	1,800	2,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	2,500	3,000

KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	450	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200	800	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	3,000
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	650	450	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	1,000	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,300	1,200	1,800
	Trưởng phòng	1,500	2,500	2,000	3,000
Quản Lý doanh thu	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	500	400	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	750	600	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,200	900	1,200
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,000	1,800
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	15,000	2,500	2,000	3,000
Buồng phòng	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,400	2,500	1,800	3,200
	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	450	300	450
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	500	800
	Trưởng phòng	1,200	1,500	1,500	1,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	800	1,500

KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kinh doanh & Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	450	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	700	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	1,500	1,800
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,800	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận - DOSM	2,000	3,500	2,500	6,000
An ninh	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	2,500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,200	1,500

NÔNG NGHIỆP

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	10,000	3,000	15,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	5,000	20,000	5,000	25,000
Kỹ thuật	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1200	1,000	3,000
	Trưởng phòng	1,200	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	3,500	10,000
Kế toán / Tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	900	650	950
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1700	1,000	2,500
	Trưởng phòng	1,200	3,000	1,300	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	7,000	3,500	6,000
Môi trường	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,200	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	4,000	3,000	6,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	370	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	600	400	650
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,500	1,700	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	10,000	4,000	7,000
Công nghệ thông tin	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	2,500
Pháp lý & Tuân thủ	/Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	7,000	2,500	7,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,000	2,500
Truyền thông	Trưởng phòng	1,200	3,500	1,200	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	8,000	3,000	8,000

NÔNG NGHIỆP

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhà máy	Giám đốc nhà máy	1,500	5,000	5,000	17,000
	Trưởng phòng nhà máy	1,200	2,500	2,500	5,000
Sản xuất	Trưởng nhóm / Giám sát	650	900	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,500	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	3,000	4,000	6,000
Mua hàng	Trưởng phòng	1,000	4,000	2,000	5,000
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,500	3,000
	Giám đốc/Trưởng bộ phận	3,000	4,000	3,000	5,000
Nghiên cứu & Phát triển	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,500	3,000
Kinh doanh/Bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,500	2,500	1,500	3,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	5,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	10,000	4,500	15,000

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH QUỸ, ĐẦU TƯ, KIỂM TOÁN, THUẾ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành chính tổng hợp	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	500	800
	Trưởng phòng	1,200	1,500	1,500	2,000
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	7,000	6,000	10,000
Môi giới	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	600	1,000
	Trưởng phòng	1,400	3,500	1,400	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,250	3,500	2,250	3,500
Tư vấn Kiểm toán & Tài sản Đảm bảo	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	500	468	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	900	600	1,200
	Trưởng phòng	1,500	1,800	1,700	2,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	5,000	7,000
Tư vấn / Cố vấn dịch vụ tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	600	500	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	2,000	1,400	2,500
	Trưởng phòng	2,500	3,500	3,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	5,000	4,000	6,000
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	700	500	800
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,500	2,200
Cố vấn doanh nghiệp	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,000	4,000

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH QUỸ, ĐẦU TƯ, KIỂM TOÁN, THUẾ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	800	400	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	620	900	650	950
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,000	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	2,500	3,000
Kiểm toán nội bộ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	900	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	1,700	1,500	2,000
Đầu tư	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	1,200	1,000	3,000
	Trưởng phòng	2,000	3,000	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,250	3,000	3,500	10,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý			800	2,500
	Trưởng phòng	1,000	1,500	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	4,000	10,000	15,000
Vận hành	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,700	1,000	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	5,000	7,000
Nghiên cứu & Phát triển	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,500	800	2,500
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,000	6,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	4,000	10,000	5,000	12,000

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH QUỸ, ĐẦU TƯ, KIỂM TOÁN, THUẾ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Trưởng phòng rủi ro	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	1,000	1,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	2,000	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	3,000	4,000
Kinh doanh / Bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,381	500	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,300	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	3,500	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	4,500	3,000	5,000

DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Tổng Giám đốc / Phó Tổng Giám đốc	3,000	10,000	3,000	10,000
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	350	250	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	500	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	800	1,200
	Trưởng phòng	600	1,000	1,000	1,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,300	2,000	1,500	4,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550	450	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	850	650	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,200	2,200
	Trưởng phòng	1,200	1,500	2,500	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,500	4,000	5,000
Chẩn đoán hình ảnh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm			600	1,200
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý			1,200	3,000

DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	800	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,000	3,000	7,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	800	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,800	4,000	3,000	5,000
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	700	750	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,200	2,000	2,000	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	4,000	6,000

DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Phòng thí nghiệm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	900	900	1,300
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,300	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,000	3,000
Truyền thông / Tiếp thị	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	350	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	800	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	1,100	2,000
	Trưởng phòng	1,000	1,800	1,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,800	2,500	3,000	5,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	600	600	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	650	900	1,000	1,300
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,300	2,000	2,000	3,500
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	900	700	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,300	1,100	1,500
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,300	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,000	3,000

DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	900	700	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,200	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,300	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,000	2,500	4,500

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ / DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN + CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Ban giám đốc	Trưởng phòng	1,300	2,500	2,000	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	8,500	7,000	10,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	5,000	10,000	10,000	25,000
Phát triển kinh doanh/ Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	350	1,000	650	1,160
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,050	1,500
	Trưởng phòng	1,200	1,800	1,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	5,000	10,000
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	250	300	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	400	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	700	800	1,300
Kế toán / Tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	575	1,200
	Trưởng phòng	1,500	3,000	1,800	3,500
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,500	1,200	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,000	3,000	6,000
Truyền thông	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,300	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500		
	Trưởng phòng	1,700	3,200	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	3,500	8,000

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ / DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN + CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Vận hành	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	870	700	950
	Trưởng nhóm / Giám sát	600	867	800	1,200
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,740	1,200	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	5,000	3,500	6,000
Trưởng phòng rủi ro	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,300	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,300	2,000	1,500	3,000
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	220	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	350	700	500	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	430	1,080	700	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,100	2,800
Chuỗi cung ứng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	870	650	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,300	800	1,500
		2,000	3,000	3,000	5,000

NĂNG LƯỢNG / NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO + DẦU KHÍ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
L&D	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,200	2,500
Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	600	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,000
	Trưởng phòng	1,500	2,000	2,500	11,000
Dịch vụ sau bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	800	1,000
	Trưởng phòng	1,000	3,200	2,000	4,000
Thiết kế / Cấu trúc	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,200	2,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	1,500	3,000
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,833	2,433	7,500	10,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	700	500	900
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	2,000	1,800	2,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	2,500	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	10,000	10,000	20,000
Xây dựng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,500	2,500
	Trưởng phòng	2,400	3,000	3,000	12,000
Quy Hoạch Công Ty	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,500	1,500	2,000
Chi phí & Hợp đồng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	800	1,500

NĂNG LƯỢNG / NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO + DẦU KHÍ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,200	1,200	1,500
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500	3,000	4,000
Dữ liệu	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	2,000	2,500
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	1,320	1,500	3,375
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,500	2,500	4,400
	Trưởng phòng	1,500	2,000	3,500	6,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	3,500	4,000	15,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,200	900	1,250
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500	2,000	3,500
	Trưởng phòng	1,500	2,000	4,000	6,000
Môi trường	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,500	1,250	1,650
	Trưởng nhóm / Giám sát			1,500	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,000	3,000	5,000
Nhân sự	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	450	683	1,000	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,157	1,571	2,000	3,500
	Trưởng phòng	1,500	2,500	3,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,800	3,000	4,000	7,000

NĂNG LƯỢNG / NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO + DẦU KHÍ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kiểm toán nội bộ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	400	800
Đầu tư	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	2,000	4,500	2,500	5,000
Hỗ trợ kỹ thuật CNTT	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	1,400	1,000	1,500
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	700	500	800
	Trưởng phòng	1,500	3,900	2,500	7,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	5,000	7,000	8,500	15,000
Bảo dưỡng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	500	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,500	1,100	1,467
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	2,400	1,300	1,700
	Trưởng phòng	2,000	4,000	2,500	4,500
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	650	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	2,211	3,044	1,200	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,500	2,000
	Trưởng phòng	3,000	4,500	3,625	5,250
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	767	1,100	1,500	2,000
	Trưởng phòng	1,500	3,000	3,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500	4,000	5,000

NĂNG LƯỢNG / NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO + DẦU KHÍ

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Mua hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,200	1,500
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	600	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	750	1,150	1,250	1,750
	Trưởng nhóm / Giám sát	2,000	3,000	2,500	3,000
	Trưởng phòng	2,500	3,500	3,000	4,000
Nghiên cứu, Phát triển	Trưởng phòng	2,500	3,500	3,000	4,000
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý			800	3,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	550	750	2,000	3,000
	Trưởng phòng	1,800	2,400	3,500	5,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	N/A	2,000	7,000	10,000
Vận chuyển / Vận tải	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	500	800
Chuỗi cung ứng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,200	1,000	1,500
	Trưởng phòng	2,000	2,500	1,500	3,000

BẢO HIỂM

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đào tạo	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,400	2,500	1,500	2,500
Quản trị viên/ Hành chính tổng hợp	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	500	800
Dịch vụ sau bán hàng	Trưởng nhóm / Giám sát	700	900	800	1,000
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,200	1,500
Ban giám đốc	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500	5,000	11,000
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	2,500	6,000	8,000	40,000
Môi giới	Trưởng phòng	1,200	2,500	1,500	2,500
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,500	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,200	45,00	3,000	6,000
Giải quyết bồi thường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	900	1,500	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,200	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,800	4,000	3,000	7,000

BẢO HIỂM

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	800	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	1,200
	Trưởng phòng	1,100	1,500	1,200	2,500
Dữ liệu	Trưởng phòng	1,500	3,000	3,000	4,000
Kế toán / Tài chính	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	750	1,000	800	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	5,000	4,000	15,000
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	400	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,000	700	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,500	2,500	1,500	3,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,000	5,000	15,000
Công nghệ thông tin	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,500	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,500	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,000	3,000	3,000	4,000
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,500	700	1800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	1,200	2,500
	Trưởng phòng	1,500	3,000	2,500	4,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	6,500	4,500	15,000

BẢO HIỂM

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Truyền thông	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,200	800	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,500	2,000	4,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	4,000	4,500	15,000
Vận hành	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	900	800	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	800	1,200
	Trưởng phòng	1,200	1,700	1,200	2,000
Mua hàng	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,500	2,500	4,000	12,000
Trưởng phòng rủi ro	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	700	900	800	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,200	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,200	2,000	1,500	3,000
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	700	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000	800	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	800	1,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	2,000	1,200	3,500

CÁC NGÀNH KHÁC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,800	700	1,500
	Trưởng phòng	700	2,000	1,500	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	4,000	3,000	4,000
Dịch vụ sau bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	300	500	500	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	1,000	700	1,200
	Trưởng phòng	1,500	2,000	2,500	3,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	7,000	4,000	6,000
Ban giám đốc	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	2,300	7,000	7,000	20,000
Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	700	1,200	1,700
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,100	800	1,500
	Trưởng phòng	800	2,000	1,800	2,300
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	3,000	4,000	5,000
Dịch vụ khách hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	350	600	600	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	400	700	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,300	1,900
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,700	4,000	2,000	4,000

CÁC NGÀNH KHÁC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	600	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	1,000	1,500	2,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,300	1,300	1,700
	Trưởng phòng	2,000	3,900	2,000	4,800
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,600	5,800	2,000	6,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	500	400	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	2,000	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	1,000	3,000	1,800	4,600
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,000	5,000	1,600	6,000
Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	200	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800	800	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,100	800	1,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	800	1,200	1,000	1,500
Nhân sự	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,500	700	1,900
	Trưởng nhóm / Giám sát	700	1,000	1,000	2,000
	Trưởng phòng	700	1,000	1,000	2,000
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,400	2,100	3,600	4,700

CÁC NGÀNH KHÁC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	1,000
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	1,000	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500	1,000	1,500
	Trưởng phòng	750	1,150	2,000	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,400	3,000	4,000	5,000
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	900	1,200	700	1,000
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,900	2,500
Bảo dưỡng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	400	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	650	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500	900	1,200
	Trưởng phòng	1,000	2,000	1,500	2,000
Truyền thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	560	840	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,000	800	1,000
	Trưởng phòng	1,250	1,800	3,000	3,700
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	500	800	3,000	4,000
Vận hành	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,000	1,400
	Trưởng phòng	1,000	1,500	1,700	2,300
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	1,600	2,000	2,000	4,000

CÁC NGÀNH KHÁC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Sản xuất	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	2,000	1,000	2,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	2,000	1,100	2,000
	Trưởng phòng	1,300	3,000	2,000	3,400
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,100	4,300	3,700	5,300
	Giám đốc điều hành / Tổng giám đốc	2,000	4,000	4,000	5,000
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800	700	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,200	1,000	3,000
	Trưởng phòng	1,500	2,500	2,000	3,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	7,000	2,000	7,000
Kinh doanh/Bán hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	800	3,000	1,500	3,800
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,000	1,500
	Trưởng phòng	2,300	3,000	1,900	2,600
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	4,000	3,900	5,500
Chuỗi cung ứng (Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng)	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	400	700	800	3,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	500	800	1,000	1,500
	Trưởng phòng	1,000	2,000	2,000	4,400
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500	3,000	10,000

CÁC NGÀNH KHÁC

Phòng ban	Cấp bậc	Việt Nam		Doanh nghiệp FDI	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Đào tạo	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500	400	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	1,000	700	1,200
	Trưởng phòng	700	1,200	1,500	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,000	2,000	3,500

THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHẬT

Phòng ban	Cấp bậc	Nhật Bản	
		Tối thiểu	Tối đa
Dịch vụ sau bán hàng	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	750	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	1,800
	Trưởng phòng	1,850	2,250
Dịch vụ khách hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	500	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	850	1,200
	Trưởng phòng	1,500	2,000
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	900
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500
	Trưởng phòng	160	2,100
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,000	2,500
Nhân sự - Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,500
	Trưởng phòng	2,000	2,700
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	850	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,300	1,800
	Trưởng phòng	2,000	2,500

THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHẬT

Phòng ban	Cấp bậc	Nhật Bản	
		Tối thiểu	Tối đa
Pháp lý & Tuân thủ	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	500	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	1,000	1,500
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,500	3,500
Truyền Thông	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	850	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,500	3,000
Cơ quan quản lý/Chính phủ/Tiếp cận thị trường	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	2,000	2,500
	Trưởng phòng	2,500	3,000
Bán hàng/ Phát triển kinh doanh	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	1,200
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,500	2,000
	Trưởng phòng	2,250	3,150
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,500	4,500

SẢN XUẤT CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHẬT BẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Nhật Bản	
		Tối thiểu	Tối đa
Kỹ thuật	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,700
	Trưởng phòng	1,700	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	3,000	3,500
Kế toán / Tài chính	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,470
	Trưởng phòng	1,650	2,200
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,250	3,000
Nhân sự / Hành chính tổng hợp	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	300	500
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,100	1,500
	Trưởng phòng	1,480	2,300
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,450	3,500
Môi trường	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	800
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,250
	Trưởng phòng	1,500	2,000

SẢN XUẤT CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHẬT BẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Nhật Bản	
		Tối thiểu	Tối đa
Công nghệ thông tin	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	800
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	850	1,300
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,400	1,750
	Trưởng phòng	1,300	2,500
Pháp lý & Tuân thủ	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,200	1,500
	Trưởng phòng	2,000	2,500
Kỹ sư cơ điện	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	650	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,050
	Trưởng phòng	1,500	2,000
Nghiên cứu-Phát triển sản phẩm	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	450	650
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	700	980
	Trưởng nhóm / Giám sát	1,000	1,800
	Trưởng phòng	1,870	2,500
Sản Xuất	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	600
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	850
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,500
	Trưởng phòng	1,700	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500

SẢN XUẤT CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA NHẬT BẢN

Phòng ban	Cấp bậc	Nhật Bản	
		Tối thiểu	Tối đa
Phòng Kiểm Tra Chất Lượng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	350	550
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	600	750
	Trưởng nhóm / Giám sát	850	1,200
	Trưởng phòng	1,450	2,000
Tìm nguồn cung ứng, Buôn bán, Mua hàng, Hậu cần, Kho hàng	Khởi điểm: Mới ra trường / Dưới 2 năm kinh nghiệm	400	700
	Có kinh nghiệm / chưa là quản lý	550	1,000
	Trưởng nhóm / Giám sát	800	1,350
	Trưởng phòng	1,600	2,500
	Giám đốc / Trưởng bộ phận	2,500	3,500